TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **274**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13/11/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hải Thị Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Diễn
2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Kim Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*** *tham gia phiên tòa:* Ông Hà Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 758/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 374/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/10/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị Thu H,** sinh năm 1984

Địa chỉ: 109 Cư xá Đường Biên Hòa, khu phố 10, phường A, thành phố B, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Anh **Hoàng Hải P**, sinh năm 1986

Địa chỉ: 109 Cư xá Đường Biên Hòa, khu phố 10, phường A, thành phố B, tỉnh BB.

(Chị H có mặt; ông P vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Hải P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai năm 2012. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, anh P không có trách nhiệm với gia đình, không chăm sóc con cái, tất cả mọi việc đều do chị đảm đương. Mặc dù chị đã cố gắng tìm đủ mọi cách để duy trì hạnh phúc nhưng không được. Nay chị đã hết tình cảm với anh P nên đề nghị ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 18/01/2014 và cháu Hoàng Phương D, sinh ngày 30/8/2017, ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Minh T và Phương D. Trước khi đưa vụ án

ra xét xử chị H yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi hai cháu, mỗi cháu 3.000.000đ/1 tháng; hai cháu 6.000.000đ/1 tháng (sáu triệu đồng mỗi tháng). Tại phiên tòa, chị H thay đổi yêu cầu, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Hải P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh P vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Chị H yêu cầu được ly hôn với anh P là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, ngoài việc trình bày của chị H về mâu thuẫn gia đình giữa 02 vợ chồng, Tòa án đã xác minh anh P có đăng ký thường trú và sinh sống tại địa phương nhưng do mâu thuẫn vợ chồng nên đã bỏ đi từ khoảng tháng 06/2019 đến nay. Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh P không đến Tòa để tham gia buổi hòa giải bảo vệ cuộc hôn nhân. Chứng tỏ anh P không muốn hòa giải để đoàn tụ. Về con chung: chấp nhận yêu cầu của chị H giao 02 con chung là cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 18/01/2014 và cháu Hoàng Phương D, sinh ngày 30/8/2017cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ việc riêng khi đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Hải P đối chiếu Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định chị H là nguyên đơn, anh P là bị đơn trong vụ án.

Chị Đỗ Thị Thu H và anh Hoàng Hải P đăng ký thường trú tại phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng khác: Bị đơn anh Hoàng Hải P đã được Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do; căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[3] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thu H và anh Hoàng Hải P tự nguyện kết hôn, có làm thủ làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân

Đông, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 12/7/2012. Áp dụng vào các Điều 9, 10, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, chị H xác định chị không còn tình cảm với anh P. Theo biên bản xác minh ngày 25/9/2019 tại địa phương nơi chị H và anh P thường trú cung cấp thông tin cho biết, quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn. Như vậy, cho thấy cuộc sống hôn nhân của chị H, anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị H và anh P có 02 con chung là cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 18/01/2014 và cháu Hoàng Phương D, sinh ngày 30/8/2017. Ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu T và D, trước khi đưa vụ án ra xét xử chị H yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi hai cháu, mỗi cháu 3.000.000đ/1 tháng; hai cháu 6.000.000đ/1 tháng (sáu triệu đồng mỗi tháng). Tại phiên tòa, chị H thay đổi yêu cầu, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, hai cháu T và D đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng, việc giao hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Hội đồng xét xử chấp nhận thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, anh P vắng mặt không có lời khai nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, 228, 244, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng vào các Điều 9, 10, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng các Điều 51, 56, 71, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu H đối với bị đơn anh Hoàng Hải P về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1984 được ly hôn với anh Hoàng Hải P, sinh năm 1986.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 18/01/2014 và cháu Hoàng Phương D, sinh ngày 30/8/2017 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con,

Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh P thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, anh P vắng mặt không có lời khai nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu số 0004632 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Hoàng Hải P được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hải Thị Liễu